

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,  
chia tài sản chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đàm Nhân Trác.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Xuân Sang và bà Phạm Thị Hợi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; Thông báo thụ lý bổ sung yêu cầu chia tài sản khi ly hôn số 226a/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Phạm Đức H, sinh năm 1987;

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988;

Đều trú tại: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt.

**Người làm chứng:** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1962,

Trú tại: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn anh Phạm Đức H trình bày:*

Anh Phạm Đức H kết hôn với chị Nguyễn Thị M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/9/2009 tại UBND xã H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt hàng ngày. Cuối năm 2016, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ ở Quảng Ninh, anh H nhiều lần ra gặp nói chuyện, sau gần 01 năm chị M đã quay về, vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng

không còn hạnh phúc như trước, anh chị không quan tâm đến nhau, công việc của ai người đó làm. Năm 2019, anh chị tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, anh H đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị M để hai bên ổn định cuộc sống.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có tại hồ sơ, bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:* Về thời gian, điều kiện kết hôn anh H đã trình bày, chị M không bổ sung gì. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H mãi chơi, không quan tâm gì đến gia đình. Cuối năm 2016, chị M đã về nhà bố mẹ đẻ ở Quảng Ninh sinh sống; sau khi anh H ra tìm, vợ chồng quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung, anh chị tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nay anh H có đơn xin ly hôn, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh H và chị M đều xác định vợ chồng có hai con chung là Phạm Linh Nhi, sinh ngày 05/02/2011 và Phạm Đức Hoàng Phong, sinh ngày 27/02/2015. Anh chị thống nhất, sau khi ly hôn anh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Phong; chị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Nhi, anh H và chị M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Anh H và chị M đều thống nhất vợ chồng có các tài sản chung đã được xem xét thẩm định gồm: 100m<sup>2</sup> đất ở, thửa đất số 641, tờ bản đồ số 15; địa chỉ xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, 01 nhà mái bằng diện tích 77,4 m<sup>2</sup> và 20m<sup>2</sup> mái tôn phía trước. Ngày 02/02/2021 anh H và chị M đã có văn bản tự định giá tài sản xác định: 100m<sup>2</sup> đất ở, được định giá 300.000.000đ; 01 nhà mái bằng diện tích 77,4m<sup>2</sup> được định giá 200.000.000đ; 20 m<sup>2</sup> mái tôn phía trước gắn liền với nhà không trị giá. Biên bản tự xác định giá trị tài sản đã có xác nhận của UBND xã H, huyện T. Tại công văn số 19/CV-TCKH ngày 10/3/2021 của phòng Tài chính kế hoạch huyện Tứ Kỳ xác định giá trị tài sản mà anh H, chị M tự định giá đúng quy định của pháp luật, sát với giá trị thị trường mà phòng Tài chính - Kế hoạch đã khảo sát. Ngoài tài sản chung của vợ chồng, anh H xác định, ngày 26/7/2019 anh còn được gia đình tặng cho thửa đất ao số 463 tờ bản đồ số 15, diện tích 260,8m<sup>2</sup>, hiện tại đã vượt lập một phần làm đất ở.

Tại phiên tòa, anh H, chị M vẫn giữ nguyên quan điểm thuận tình ly hôn chị M và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung, phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 33, 37, 51, 56, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đức H và chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Giao cháu Phạm Đức Hoàng Phong, sinh ngày 27/02/2015 cho anh Phạm Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Phạm Linh Nhi, sinh ngày 05/02/2011 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh H và chị M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Giao cho chị M tiếp tục sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là 100m<sup>2</sup> đất ở và 01 nhà mái bằng diện tích 77,4 m<sup>2</sup> gắn liền 20m<sup>2</sup> mái tôn phía trước có tổng giá trị tài sản chung là 500.000.000 đồng. Chị M có trách nhiệm trả tiền chênh lệch tài sản cho anh H là 250.000.000 đồng.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh H và chị M phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Đức H kết hôn với chị Nguyễn Thị M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 30/9/2009 tại UBND xã H. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách làm ăn và cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Do mâu thuẫn, cuối năm 2016, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ ở Quảng Ninh sinh sống, anh H nhiều lần ra gặp nói chuyện, đến năm 2018, chị M quay về, vợ chồng đoàn tụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không còn được hạnh phúc như trước, dù chung sống với nhau nhưng anh chị không quan tâm đến nhau, công việc của ai người đó làm, cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Nay anh H, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, chị M nhất trí. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của anh H, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh H và chị M là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh H và chị M đều xác định vợ chồng có hai con chung là Phạm Linh Nhi, sinh ngày 05/02/2011 và Phạm Đức Hoàng Phong, sinh ngày 27/02/2015. Mặc dù trong lời khai của cháu Nhi trình bày có nguyện vọng muốn

được ở với anh H. Do cháu Nhi là con gái cần được sự quan tâm chăm sóc của mẹ hơn nên anh chị thống nhất, sau khi ly hôn anh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Phong; chị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Nhi, giữa anh H và chị M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Trong quá trình sống chung anh H và chị M có thừa đất số 641, tờ bản đồ số 15; địa chỉ xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở có giá trị 300.000.000 đồng; 01 nhà mái bằng diện tích 77,4 m<sup>2</sup> có giá trị 200.000.000 đồng và 20m<sup>2</sup> mái tôn phía trước nhà không trị giá. Tổng giá trị tài sản chung là 500.000.000 đồng.

[4] Ly hôn anh H, chị M đều đề nghị phân chia tài sản chung và đều có nguyện vọng được sử dụng đất ở. HĐXX thấy sau khi anh chị mâu thuẫn sống ly thân, anh H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh H xác định ngoài tài sản chung, ngày 26/7/2019 anh H còn được gia đình tặng cho thừa đất số 463 tờ bản đồ số 15, diện tích 260,8m<sup>2</sup>. Do diện tích đất là tài sản chung của anh chị nhỏ và đã có công trình trên đất nếu phân chia bằng hiện vật không đảm bảo giá trị sử dụng, anh H đã có đất mà gia đình tặng cho. Xét thấy nhu cầu về nơi ăn ở của chị M nhiều hơn anh H, để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em. HĐXX giao cho chị M tiếp tục sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là 100m<sup>2</sup> đất ở; 01 nhà mái bằng diện tích 77,4 m<sup>2</sup> và 20m<sup>2</sup> mái tôn gắn liền phía trước. Tổng giá trị tài sản chung giao cho chị M sở hữu là 500.000.000 đồng, chị M có trách nhiệm trả chênh lệch tài sản bằng tiền cho anh H là 250.000.000 đồng.

[5]. Về chi phí thẩm định: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M đã nộp tiền chi phí thẩm định và tự nguyện chịu toàn bộ s

ố tiền này, không đề nghị anh H phải thanh toán nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn và án phí chia tài sản, chị M phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 56, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đức H và chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Đức Hoàng Phong, sinh ngày 27/02/2015 cho anh Phạm Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Phạm Linh Nhi, sinh ngày 05/02/2011 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh H và chị M không ai phải thực hiện nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hai bên được đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

2. Về tài sản: Giao cho chị Nguyễn Thị M được quyền sử dụng, sở hữu thửa đất số 641, tờ bản đồ số 15, diện tích 100m<sup>2</sup>, địa chỉ xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có trị giá 300.000.000 đồng; 01 nhà mái bằng diện tích 77,4 m<sup>2</sup> gắn liền 20m<sup>2</sup> mái tôn phía trước có giá trị 200.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung giao cho chị M sở hữu là 500.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị M có trách nhiệm chia trả chênh lệch tài sản bằng tiền cho anh H là 250.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành khoản tiền đã tuyên ở trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Phạm Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0009969 ngày 16/11/2020 và 12.500.000 đồng án phí chia tài sản. Chị Nguyễn Thị M phải chịu 12.500.000 đồng án phí chia tài sản, đối trừ số tiền 7.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2017/0010008 ngày 12/01/2021, chị M còn phải nộp 5.500.000 đồng tiền án phí chia tài sản.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H và chị M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đàm Nhân Trác**